TÒA ÁN N DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:130/2018/HS-PT
Ngày 08-6-2018

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Các Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nghĩa Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Lê Tấn C và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Lê Tấn C, Lương Thanh P, Đoàn Quốc V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tòa án N dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Tấn C, sinh năm 1982, tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: 165/17/19B đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (chết) và bà Danh Thị R (chết); vợ là Thị X; tiền án, tiền sự: Không; về N thân: Ngày 26-10-2012, bị Tòa án N dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", đã chấp hành xong hình phạt; Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

2. Lương Thanh P, sinh năm 1988, tại huyện P, tỉnh Kiên Giang;

Nơi ĐKTT: Ấp R, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: 317/15/21 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp:

Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N (chết) và bà Lý Tú T; vợ là Trần Thị Bé T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 10/6/2017 đến ngày 02/02/2018 được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

3. Đoàn Quốc V (Đ), sinh năm 1983, tại huyện C, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Đoàn Văn Long và bà Trần Kim Tiến; vợ là Dương Thị M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt

Trong vụ án còn có 01 bị cáo, 02 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước nên vào khoảng 00 giờ, ngày 29/4/2017 Huỳnh Vũ N rủ Lê Tấn C đi trộm cắp tài sản thì C đồng ý. Sau khi thống nhất kế hoạch thì N về nhà lấy một kìm cộng lực và gặp Lương Thanh P trú tại phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang hỏi mượn xe môtô Atila màu đen (xe này P thuê của người khác), sau khi mượn được xe N giao xe cho C điều khiển chở N ngồi phía sau. Khi đi đến đoạn ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang N phát hiện một cơ sở mua bán Gas và Bếp gas do anh Huỳnh K trú ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang làm chủ nên N kêu C quay lại địa điểm này để trộm cắp tài sản. N dùng kìm cộng lực mang theo cắt khóa đột nhập vào bên trong, còn C đậu xe ngoài canh đường. Sau khi đột nhập vào bên trong N trộm được 01 điện thoại di động hiệu SamSung SM-G36, 01 điện thoại di động Nokia 106, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 222, 01 bóp da trong bóp có 198.000 đồng, 01 máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3.7inch, 01 máy tính bảng hiệu Lenovo A5500, 01 Laptop hiệu Lonovo (Ceraron) đem ra đưa cho C, sau đó N tiếp tục trở vào bên trong cửa tiệm lục tìm tài sản và phát hiện trong của tiệm có gắn hệ thống Camera quan sát và 01 két sắt. Sau đó N đi vào bên trong của tiệm tháo 01 Camera hiệu VDTECH, 01 đầu ghi hình hiệu VDTECH, 01 màng hình máy tính, 01 tai nghe Bluetooth hiệu Samsung, 01 hệ thống chống trộm bỏ vào trong một túi sách đem ra ngoài chờ C lại đón, trong lúc chờ thì N nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô điều khiển chạy tới, sợ bị phát hiện N ném toàn bộ số tài sản trên ném xuống sông rồi ngồi chờ C lại đón. Khoảng 15 phút sau, C chạy xe lại thì N có nói với C là còn một két sắt, N cùng C đi vào của tiệm của anh K trộm két sắt đem về phía sau vườn nhà Đoàn Quốc V và cả 02 nói

với V két sắt trên trộm của người chị. Đến gần sáng cùng ngày C quay lại cạy két sắt có sự chứng kiến của V lấy được 7.000.000 đồng và 02 tờ tiền 05 đôla (USD). Đến khoảng hơn 07 giờ 30 sáng cùng ngày N, V, C đến quán càphê, trong lúc uống càphê C đưa tiền trộm được cho N, N nhận số tiền sau đó chia cho V 1.5000.000 đồng và C 1.800.000đồng cùng 01 máy tính bảng hiệu Lenovo, 01 tờ tiền 05 đôla (USD) và 100.000đồng. N lấy 01 máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3.7inch; 01 điện thoại SamSung SM-G36; số tiền 98.000đồng và 01 tờ tiền 05 đôla (USD). Sau khi nhận tài sản N đem bán 01 Laptop hiệu Lonovo (Ceraron) được 1.000.000đồng và 01 cái điện thoại SamSung SM-G36 và 01 cái điện thoại Nokia 222 bán được 600.000đồng cho một người lạ mặt không biết họ tên và địa chỉ (còn máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3.7inch N làm hư rồi bỏ mất; 01 điện thoại di động Nokia 106, lúc trộm được tài sản N đã làm rớt đâu không biết), số tiền bán được N đã tiêu xài cá N hết. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày N hẹn P ra Công viên A để trả xe và đưa cho P 300.000 đồng, số tiền này P không biết N trộm được mà có nên đã nhận và tiêu xài cá N hết.

Sau khi thực hiện trót lọt vụ trộm cắp tài sản trên, đến khoảng 01 giờ ngày 06/5/2017 N rủ Lương Thanh P đi trộm cắp tài sản thì P đồng ý. Sau đó N đưa xe hiệu Dream biển kiểm soát 68T1- 2978 (xe này N mượn của Nguyễn Thái H) cho P điều khiển chạy vào tuyến Quốc lộ 80 thuộc địa bàn ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì N phát hiện có một của tiệm mua bán điện thoại di động do ông Huỳnh Thanh T, trú tại xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang làm chủ đóng cửa có móc khóa ngoài. Lúc này, N kêu P quay đầu xe lại địa điểm vừa phát hiện để trộm cắp tài sản. N dùng kìm cộng lực cắt khóa đột nhập vào tiệm điện thoại. Sau khi vào được bên trong của tiệm điện thoại P dùng điện thoại của mình mở chế độ đèn pin rọi vào tủ kính trưng bày cho N dùng kìm cộng lực đập bể tủ kính lấy trộm được 02 điện thoại di động hiệu Iphone 5s (16Gb), 01 điện thoại hiệu Iphone 5 (32Gb); 01 điện thoại hiệu Iphone 4 (16Gb). Sau khi trộm xong N lấy 01 điện thoại hiệu Iphone 5 (32Gb); 01 điện thoại hiệu Iphone 4 (16Gb) và chia cho P 02 điện thoại di động hiệu Iphone 5s (16Gb). Sau khi nhận được tài sản N bán 01 cái Iphone 4S được 300.000 đồng và 01 cái Iphone5 thường được số tiền 2.000.000đồng; còn P bán 02 cái Iphone 5S được 1.400.00đồng, số tiền trên P và N tiêu xài cá N hết.

***Tang vật thu giữ còn lại gồm:** 01 máy tính hiệu Lenovo A5500 (đã qua sử dụng) và 02 tờ tiền mệnh giá 05 đôla (USD).

***Tại bản kết luận định giá số:** 61/KL-HĐĐGTS ngày 14/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 Laptop hiệu Lenovo; 01 máy tính bảng Lenovo Tab 3,7; 01 máy tính Lenovo A5500; 01 điện thoại di động Samsung; 01 điện thoại hiệu Nokia 106; 01 điện thoại Nokia

222; 01 Camera VDTECH; 01 đầu ghi hình VDTECH; 01 màn hình máy tính LCD; 01 tai nghe Bluetooth Samsung; 01 hệ thống chống trộm; 01 két sắt 0,8m và 02 tờ tiền 05 đôla USD, tổng giá trị định giá là 17.878.000đồng (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng)

***Tại bản kết luận định giá số:** 62/KL-HĐĐGTS ngày 14/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 Iphone 5s (16Gb); 02 Iphone 5 (32Gb); 02 Iphone 4 (16Gb) có giá trị là 8.160.000đồng. Qua làm việc chỉ chứng minh các bị cáo trộm được: 02 Iphone 5s (16Gb); 01 Iphone 5 (32Gb) và 01 Iphone 4 (16Gb), tổng giá trị các tài sản trên là 7.440.000đồng (bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số:** 22/2018/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tòa án N dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Tấn C và Lương Thanh P phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đoàn Quốc V phạm tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

1. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tấn C 02** (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lương Thanh P 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tam giữ tạm giam trước từ ngày 10/6/2017 cho đến ngày 02/02/2018.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Quốc V 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, bị cáo Lê Tấn C kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, bị cáo Lương Thanh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Đoàn Quốc V kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo Đoàn Quốc V xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Do không có tiền tiêu xài cá N nên Huỳnh Vũ N đã rủ Lê Tấn C đi trộm cắp tài sản thì C đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, N đi về nhà lấy theo 01 cây kìm cộng lực rồi đi đến gặp Lương Thanh P hỏi mượn xe mô tô nói đi công chuyện thì được P cho mượn xe, sau khi mượn được xe N đưa cho C điều khiển. Đến khoảng 00 giờ ngày 29/4/2017 cả hai đi đến ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì N phát hiện cơ sở mua bán gas và bếp gas do ông Huỳnh K làm chủ không có người trông giữ nên N kêu C dừng xe lại và đứng ngoài canh đường để N đi vào trong lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-G36, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 222, 01 bóp da trong bóp có 198.000 đồng, 01 máy tính bảng hiệu Lenovo tab 3.7 inch, 01 máy tính bảng hiệu Lenovo A5500, 01 laptop hiệu Lenovo (Ceraron), 01 camera hiệu VDTECH, 01 đầu ghi hình cùng hiệu, 01 màn hình máy tính, 01 tay nghe bluetooth hiệu Samsung, 01 hệ thống chống trộm và 01 két sắt. Sau đó, N và C đem két sắt vừa trộm về được phía sau nhà Đoàn Quốc V giấu và nói với V là vừa trộm được, V không nói gì mà đồng ý cho N và C cất giấu két sắt trên. Đến sáng ngày hôm sau C và N lấy két sắt ra cạy có sự chứng kiến của V thì thấy bên trong có 7.000.000 đồng và 02 tờ tiền 5 đô la. N liền lấy 1.500.000 đồng đưa cho V và 1.800.000 đồng đưa cho C, còn lại N cất giữ. Sau đó N tiếp tục đem 01 laptop hiệu Lenovo, 01 điện thoại Samsung SM-G36 và 01 điện thoại Nokia 222 bán cho một người lạ mặt (không rõ N thân, lai lịch) được 1.600.000 đồng. Tổng tài sản mà N và C đã chiếm đoạt của ông Khá có giá trị theo kết luận định giá là 17.878.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ, ngày 06/5/2017 N tiếp tục rủ Lương Thanh P đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá N thì P đồng ý. N đưa xe cho P chở N, khi cả hai đi đến ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì N phát hiện tiệm mua bán điện thoại di động do ông Huỳnh Thanh T làm chủ khóa cửa ngoài nên N kêu P dừng xe lại để N khóa cửa đột nhập vào trong lấy trộm 02 điện thoại di động hiệu Iphone 5s, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 và 01 điện

thoại di động hiệu Iphone 4. Theo kết luận định giá tài sản thì 04 chiếc điện thoại mà N và P trộm cắp của ông Tú có giá trị là 7.440.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Tấn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị cáo Lương Thanh P về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo Đoàn Quốc V đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nhưng Tòa cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là chưa rõ ràng, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm chung.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Tấn C và Lương Thanh P: Bị cáo C là người có N thân xấu. Các bị cáo đủ năng lực để nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, tuy nhiên vì để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá N mà các bị cáo đã lén lút chủ sở hữu lấy trộm tài sản của họ. Giữa C và N có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ rõ ràng, có chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung là "phạm tội có tổ chức" theo quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Giữa bị cáo P và bị cáo N là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, dựa vào giá trị tài sản bị cáo P chiếm đoạt thì đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N tự nguyện thay mặt các bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại, bị cáo P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo C mức án 02 năm tù là phù hợp; áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo P 09 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc V: Bản thân bị cáo V là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi chứa chấp tài sản của người khác do phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng khi N và C mang két sắt đến gửi và nói cho bị cáo biế két sắt trên vừa trộm được thì bị cáo đồng ý cho

N và C gửi tài sản phạm pháp tại nơi mình quản lý và được chia 1.500.000 đồng từ tài sản do phạm tội mà có. Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là không nặng. Thấy rằng bị cáo có đến 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, số tiền thu lợi bất chính thấp, bị cáo không có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có như án sơ thẩm nhận định, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án N dân tối cao do đó yêu cầu kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn C và Lương Thanh P. Riêng yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc V thì Hội đồng xét xử chấp nhận, nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo V như đã phân tích tại phần [2].

[4] Về điều luật áp dụng: Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xét xử các bị cáo C, P theo quy định tương ứng tại Điều 173 về tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại khoản 1, 2 Điều 51, tù có thời hạn được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn C, Lương Thanh P không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc V được chấp nhận nên bị cáo V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn C, Lương Thanh P. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc V và sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173, Điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tấn C 02 (hai) năm tù** về tội "Trộm cắp tài sản". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Lương Thanh P 09 (chín) tháng tù** về tội "Trộm cắp tài sản". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/6/2017 cho đến ngày 02/02/2018.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Quốc V 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"**.** Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban N dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Lê Tấn C, Lương Thanh P không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đoàn Quốc V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Trọng Hân

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam CA tỉnh KG;
- TAND huyện C;
- THA huyện C;
- VKSND huyện C;
- CQCSĐT huyện C;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu.